

## TỜ TRÌNH

### Về việc ban hành chính sách hỗ trợ thực hiện Kiên cố hóa kênh mương, kênh mương nội đồng giai đoạn 2013-2015 tỉnh Bình Định

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chính sách kiên cố hóa kênh mương ban hành kèm theo Quyết định số 11/2006/QĐ-UBND ngày 27/01/2006 của UBND tỉnh và Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 23/01/2009 về việc điều chỉnh chính sách kiên cố hóa kênh mương giai đoạn 2009-2010, đến nay đã hết hiệu lực thi hành, nhưng nhu cầu kiên cố hóa kênh mương hiện nay là rất lớn nhằm đạt được các tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới.

Căn cứ ý kiến thẩm định chính sách của Sở Tư pháp; UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành **Chính sách hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương, kiên cố hóa kênh mương nội đồng giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn tỉnh Bình Định** với những nội dung như sau:

#### 1. Đối tượng hỗ trợ

Đối tượng được hỗ trợ chính sách này là các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh có kế hoạch kiên cố hóa kênh mương hàng năm được UBND tỉnh phê duyệt theo đề nghị của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

#### 2. Về kích thước thiết kế mặt cắt kênh kiên cố hóa tưới cho cây lúa như sau:

Bảng 1: Các thông số thiết kế kênh bê tông

| T<br>T | Diện tích<br>tưới<br>(ha) | Lưu lượng<br>thiết kế<br>(m <sup>3</sup> /s) | Chiều rộng<br>kênh (B)<br>(m) | Chiều cao<br>kênh (H)<br>(m) | Chiều dày bê<br>tông kênh (t)<br>(m) | Ghi chú                   |
|--------|---------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|--------------------------------------|---------------------------|
| 1      | 25                        | 0,033                                        | 0,30                          | 0,50                         | 0,10                                 | Độ dốc<br>kênh<br>1/2.000 |
| 2      | 50                        | 0,070                                        | 0,40                          | 0,55                         | 0,12                                 |                           |
| 3      | 75                        | 0,107                                        | 0,45                          | 0,70                         | 0,12                                 |                           |
| 4      | 100                       | 0,145                                        | 0,50                          | 0,80                         | 0,15                                 |                           |

Kinh phí xây lắp: tính cho 1 km kênh mương tưới cho cây lúa có độ dốc 1/2.000; kênh bê tông mặt cắt hình chữ nhật như sau:

Bảng 2: Chi phí xây dựng kênh kiên cố hóa (giá thời điểm quý 4/2012)

| T<br>T | Kênh thiết<br>kế tưới (ha) | Giá trị xây lắp<br>(Tr.đồng) | Trong đó:        |                              | 30% giá trị xây lắp<br>(Tr.đồng) |
|--------|----------------------------|------------------------------|------------------|------------------------------|----------------------------------|
|        |                            |                              | Xi măng<br>(Tấn) | Giá trị xi măng<br>(Tr.đồng) |                                  |
| (1)    | (2)                        | (3)                          | (4)              | (5)                          | (6)                              |
| 1      | 25                         | 530                          | 54               | 90                           | 159                              |
| 2      | 50                         | 709                          | 75               | 125                          | 213                              |
| 3      | 75                         | 867                          | 89               | 149                          | 260                              |
| 4      | 100                        | 1.133                        | 128              | 214                          | 340                              |

### 3. Chính sách hỗ trợ

**Ngân sách tỉnh hỗ trợ để địa phương thực hiện kiên cố hóa kênh mương, kênh mương nội đồng giai đoạn 2013-2015 như sau:**

Hỗ trợ đủ về số lượng xi măng (*được quy tròn đến đơn vị tấn xi măng*) để kiên cố kênh mương theo thiết kế và hỗ trợ bổ sung bằng tiền (*theo thời giá quý IV năm 2012*), đạt mức nhà nước hỗ trợ 30% giá trị xây lắp, để địa phương thực hiện kiên cố hóa 01 km kênh mương; cụ thể như sau:

a) Đối với kênh được thiết kế tưới cho 25 ha:

Hỗ trợ 54 tấn xi măng (đủ theo thiết kế) và hỗ trợ bổ sung bằng tiền là 69 triệu đồng.

b) Đối với kênh được thiết kế tưới cho 50 ha:

- Hỗ trợ bằng xi măng: 75 tấn;

- Hỗ trợ bổ sung bằng tiền: 88 triệu đồng

c) Đối với kênh được thiết kế tưới cho 75 ha:

Hỗ trợ 89 tấn xi măng (đủ theo thiết kế) và hỗ trợ bổ sung bằng tiền là 111 triệu đồng

d) Đối với kênh được thiết kế tưới cho 100 ha:

Hỗ trợ 128 tấn xi măng (đủ theo thiết kế) và hỗ trợ bổ sung bằng tiền là 126 triệu đồng

đ) Kênh tưới có diện tích tưới thiết kế khác với số liệu trên được áp dụng chính sách hỗ trợ bằng xi măng đủ và hỗ trợ bổ sung bằng tiền để đạt mức hỗ trợ là 30% giá trị xây lắp (*đồ án thiết kế được duyệt phải phù hợp với thiết kế mẫu kiên cố hóa kênh mương*).

**Bảng 3: Mức hỗ trợ xi măng và tiền cho việc kiên cố 1 km kênh**

| T<br>T | Kênh thiết kế<br>tưới (ha) | Hỗ trợ xi măng         |                             | Hỗ trợ bổ sung<br>bằng tiền<br>(Tr.đồng/km) | Ghi chú |
|--------|----------------------------|------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------|---------|
|        |                            | Khối lượng<br>(tấn/km) | Quy giá trị<br>(Tr.đồng/km) |                                             |         |
| (1)    | (2)                        | (3)                    | (4)                         | (5)                                         | (6)     |
| 1      | 25                         | 54                     | 90                          | 69                                          |         |
| 2      | 50                         | 75                     | 125                         | 88                                          |         |
| 3      | 75                         | 89                     | 149                         | 111                                         |         |
| 4      | 100                        | 128                    | 214                         | 126                                         |         |

e) Kênh cho vùng nuôi trồng thủy sản: Nếu mặt cắt kênh thiết kế tương ứng với mặt cắt kênh tưới thì áp dụng các mức hỗ trợ như kênh tưới tiêu. Nếu mặt cắt kênh khác thì áp dụng chính sách không quá 30% giá trị xây lắp như trên, trong đó hỗ trợ đủ xi măng theo thiết kế và hỗ trợ bổ sung bằng tiền.

#### **4. Đề xuất các giải pháp thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương giai đoạn 2013-2015**

##### **4.1. Nhu cầu vốn thực hiện chính sách đến năm 2015:**

Theo kế hoạch của các địa phương và Văn phòng điều phối NTM, giai đoạn 2013-2015 tổng nhu cầu kiên cố kênh mương là 314 km (bình quân 105 km/năm), tổng kinh phí là 300 tỷ đồng (bình quân 100 tỷ đồng/năm), trong đó nhu cầu xi măng là 42.600 tấn (bình quân 14.200 tấn/năm); chia ra như sau:

- Các xã đăng ký đạt tiêu chí nông thôn mới xây dựng 130 km kênh (bình quân 43 km/năm), tổng kinh phí 90 tỷ đồng (bình quân 30 tỷ đồng/năm), nhu cầu xi măng là 15.000 tấn (bình quân 3.300 tấn/năm);

- Các xã còn lại xây dựng 184 km kênh (bình quân 62 km/năm), tổng kinh phí 210 tỷ đồng (bình quân 70 tỷ đồng/năm), nhu cầu xi măng là 27.600 tấn (bình quân 9.200 tấn/năm);

##### **4.2. Về giải pháp, chính sách tạo vốn để thực hiện chương trình**

a) Về chính sách: Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận ban hành chính sách kiên cố hóa kênh mương, kiên cố kênh mương nội đồng giai đoạn 2013-2015 để các địa phương có điều kiện tiếp tục thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương, thực hiện chỉ tiêu bê tông hóa kênh nội đồng theo Chương trình mục tiêu Quốc gia về nông thôn mới.

##### **b) Về vốn thực hiện chính sách:**

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ thông qua vốn vay tín dụng ưu đãi hàng năm theo Quyết định số 13/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước để tiếp tục thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề nông thôn (tính vay và hỗ trợ cho các huyện, thị xã, thành phố) và các nguồn vốn khác của ngân sách tỉnh.

- Ngân sách huyện, thị xã, thành phố và ngân sách xã hỗ trợ.

- Kinh phí cấp bù do miễn thủy lợi phí.

- Các tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện.

- Lồng ghép nguồn vốn các Chương Trình mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo bền vững để hỗ trợ thực hiện kiên cố hóa kênh mương và kiên cố kênh mương nội đồng.

- Thực hiện theo hướng dẫn Chương trình mục tiêu Quốc gia về nông thôn mới, trong đó sử dụng một phần Ngân sách Trung ương phân cho tỉnh để hỗ trợ dùng cho chương trình kiên cố kênh mương nội đồng.

#### **5. Điều kiện được hỗ trợ:**

- Các địa phương có đăng ký kế hoạch xây dựng kiên cố kênh mương, trong đó cam kết có đủ nguồn lực khác để xây dựng hoàn thành kế hoạch;

- Có hồ sơ thiết kế sơ bộ để bảo đảm các tiêu chí phân bổ kinh phí hỗ trợ gồm: chiều dài từng kênh kiên cố, diện tích tưới thiết kế;

- Danh mục công trình phải được liên ngành Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính thống nhất trình, được UBND tỉnh phê duyệt trong kế hoạch hàng năm.

#### **6. Về cơ chế thực hiện công tác lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình:**

Vận dụng theo cơ chế UBND tỉnh đã chỉ đạo tại văn bản số 757/UBND-KTN ngày 16/3/2012 về việc giảm một số nội dung cơ cấu đuôi dự toán công trình để triển khai thực hiện Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn giai đoạn 2012-2015 trên địa bàn tỉnh và văn bản số 758/UBND-KTN ngày 16/3/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình bê tông hóa GTNT giai đoạn 2012-2015 trên địa bàn tỉnh; vận dụng hướng dẫn của Sở Giao thông vận tải về việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình Bê tông hóa đường giao thông nông thôn (GTNT) giai đoạn 2012 - 2015 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

#### **7. Cân đối các nguồn lực thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương giai đoạn 2013-2015**

Tổng nhu cầu vốn: 300 tỷ đồng (100 tỷ đồng/năm)

Cân đối các nguồn ngân sách thực hiện như sau:

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ theo Chính sách này là 30% giá trị xây lắp, kinh phí cần hỗ trợ 30 tỷ đồng/năm;

b) Lồng ghép để xây dựng kiên cố kênh mương từ các nguồn Hỗ trợ bổ sung từ chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và hỗ trợ từ các chương trình mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo bền vững.

c) Kinh phí huyện, thị xã, thành phố, kinh phí xã phường thị trấn hỗ trợ hỗ trợ.

d) Cấp bù thủy lợi phí: Phần kinh phí cấp bù thủy lợi phí theo Nghị định 67/2012/NĐ-CP khoảng 65 tỷ đồng/năm; theo quy định của UBND tỉnh tại Quyết định số 2676/QĐ-CTUBND ngày 25/11/2011 về việc quy định sử dụng kinh phí cấp bù thủy lợi phí, theo đó các địa phương phải sử dụng tối thiểu 70% kinh phí được cấp bù cho việc duy tu, sửa chữa các công trình thủy lợi và kiên

cổ hóa kênh mương. Đề nghị các đơn vị hưởng cấp bù thủy lợi phí bố trí khoảng 30% kinh phí duy tu sửa chữa công trình thủy lợi để đầu tư cho kiên cố hóa kênh mương; giá trị tạm tính là  $65 \text{ tỷ} \times 70\% \times 30\% \approx 15 \text{ tỷ đồng/năm}$  (Bình quân 1 xã là 110 – 150 triệu đồng/năm).

đ) Các nguồn kinh phí hỗ trợ hợp pháp khác.

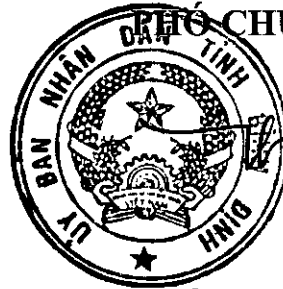
Tờ trình này thay thế tờ trình số 34/TTr-UBND ngày 07/6/2013 của UBND tỉnh.

UBND tỉnh kính báo cáo và đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét chấp thuận./. *XZ*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các ĐB HĐND tỉnh;
- Sở: NNPTNT, TC;
- Lưu: VT, K1, K10 (120b), K18 *2*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Trần Thị Thu Hà*  
**Trần Thị Thu Hà**